

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng
Nông thôn mới xã An Sơn, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN HẢI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

*Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của
Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của
Chính phủ sửa đổi Nghị định số 37/2010/NĐ-CP về lập, thẩm định, phê duyệt và
quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP hướng dẫn về quy
hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 388/QĐ-TTg ngày 10 tháng 4 năm 2018 của Thủ
tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển
kinh tế - xã hội tỉnh Kiên Giang đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng
nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ về việc ban hành bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và
bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 2749/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2022 của
Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Kiên
Giang giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ
Xây dựng về việc ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về
Quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ
Xây dựng quy định về hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy
hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức
năng và quy hoạch nông thôn;*

Căn cứ Quyết định số 1303/QĐ-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân tỉnh Kiên Giang về việc ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 1707/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất giai đoạn đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 2542/QĐ-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng Nông thôn mới tỉnh Kiên Giang năm 2022;

Căn cứ Công văn số 2075/SXD-QHKT ngày 07 tháng 8 năm 2023 của Sở Xây dựng tỉnh Kiên Giang về việc ý kiến về Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Nông thôn mới xã An Sơn, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 1215/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Kiên Hải phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Nông thôn mới xã An Sơn, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Hội đồng nhân dân xã An Sơn về việc thông qua Đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã An Sơn, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Biên bản số 87/BB-HĐTĐ ngày 22 tháng 5 năm 2023 của Hội đồng Kiến trúc quy hoạch huyện Kiên Hải về việc thông qua Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Hòn Tre, Lại Sơn, An Sơn và Nam Du, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế hạ tầng - Tài nguyên và Môi trường huyện Kiên Hải tại Tờ trình số 151/TTr-KTHT-TNMT ngày 06 tháng 9 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Nông thôn mới xã An Sơn, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang với các nội dung sau:

1. Quy mô, phạm vi ranh giới

- Xã An Sơn là một trong 04 xã đảo của huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang, nằm ở phía Đông Nam huyện Kiên Hải trong vùng biển Tây thuộc vịnh Thái Lan. Toàn xã có 11 đảo nổi lớn nhỏ: Hòn Lớn, hòn Gian (Tre cửa), hòn Nhàn, hòn Mốc, hòn Hàng, hòn Dâm, hòn Ông, hòn Nồm Trong, hòn Nồm Giữa, hòn Nồm Ngoài, hòn Khô. Vị trí địa lý cụ thể được giới hạn như sau:

- + Phía Bắc giáp vùng biển huyện Kiên Lương và huyện Phú Quốc;
- + Phía Tây giáp vịnh Thái Lan;

+ Phía Đông giáp vùng biển xã Nam Du, xã Lại Sơn, xã Hòn Tre, vịnh Rạch Giá;

+ Phía Nam giáp vùng biển huyện An Minh.

- Tổng quy mô lập quy hoạch đến năm 2040 khoảng 823,26ha. Trong đó:

+ Phần đất liền (hiện hữu): Khoảng 708,61ha.

+ Phần mở rộng không gian biển: Khoảng 114,65ha.

2. Mục tiêu quy hoạch, tính chất chức năng của xã

2.1. Mục tiêu

- Nâng cao đời sống vật chất tinh thần của người dân nông thôn. Xây dựng hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội, phát triển nông thôn đồng bộ và từng bước hiện đại, đảm bảo môi trường cảnh quan nông thôn, giữ gìn phát huy bản sắc văn hóa, tập quán dân tộc, kết hợp bảo vệ môi trường sinh thái của địa phương, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

- Đồ án điều chỉnh Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã An Sơn định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã đến năm 2040 nhằm đạt Tiêu chí số 1 thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới là điều kiện cần để xét công nhận Nông thôn mới theo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đã được Ủy ban nhân dân tỉnh đề ra (*theo Quyết định số 1303/QĐ-UBND ngày 30/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang*).

- Đồ án điều chỉnh Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã An Sơn tạo tiền đề cho việc nâng xã lên đô thị trong giai đoạn 2021-2025 (theo Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030) và cụ thể hóa quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, khai thác và phát huy các tiềm năng, lợi thế nhằm đáp ứng nhu cầu mới, hội nhập và phát triển, thúc đẩy quá trình đô thị hóa và tăng trưởng kinh tế.

2.2. Tính chất, chức năng

- Xã An Sơn với định hướng là khu vực phát triển du lịch trong chuỗi du lịch trong quần đảo Nam Du dựa trên các nền tảng cảnh quan thiên nhiên Rừng và Biển, làng nghề truyền thống, kinh tế biển... với nhiều loại hình du lịch biển đặc sắc.

- Định hướng đa dạng hóa các loại hình du lịch biển đảo như: Du lịch sinh thái biển, đảo; du lịch nghỉ dưỡng; du lịch làng nghề (văn hóa làng chài, vá lưới kết hợp với loại hình ra khơi đánh bắt cùng ngư dân); du lịch thể thao mạo hiểm kết hợp loại hình vui chơi giải trí; du lịch văn hóa tâm linh; du lịch thiền và yoga; du lịch trăng mật (Bãi Mến Lớn, Bãi Sỏi, Bãi Giếng Tiên - Bãi Đá Trắng, Ba Hòn Nôm ...); du lịch hội thảo, hội nghị...

3. Quy mô dân số, lao động; các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu

3.1. Quy mô dân số, lao động

- Hiện trạng năm 2020: Dân số toàn xã khoảng 4.115 người.
- Đến năm 2030: Dân số toàn xã khoảng 8.000 - 8.500 người.
- Đến năm 2040: Dân số toàn xã khoảng 15.500 - 16.500 người.

(theo Quyết định số 860/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 của UBND huyện Kiên Hải về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã An Sơn tỷ lệ 1/500 đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2040).

3.2. Các chỉ tiêu chủ yếu

a. Dự báo quy mô đất đai:

- Đất dân dụng hiện tại khoảng 38ha, chỉ tiêu sử dụng đất nông thôn đạt trên $37\text{m}^2/\text{người}$.

- Yêu cầu đất xây dựng khu dân cư đến năm 2030: Khoảng 56 - 80ha, chỉ tiêu sử dụng đất đạt 70 - $100\text{m}^2/\text{người}$ ($96,60\text{m}^2/\text{người}$).

- Yêu cầu đất xây dựng khu dân cư đến năm 2040: Khoảng 80 - 128ha, chỉ tiêu sử dụng đất khoảng 50 - $80\text{m}^2/\text{người}$ ($76,29\text{m}^2/\text{người}$).

b. Chỉ tiêu quy hoạch:

- Diện tích hiện hữu: 708,61ha
- Đến năm 2030: 752,54ha
- Đến năm 2040: 823,26ha
- + Đất xây dựng: 329,41ha
- + Đất nông nghiệp: 492,35ha
- Quy mô dân số năm 2040: 15.500 - 16.500 người
- Chỉ tiêu điểm dân cư nông thôn: $\geq 37\text{m}^2/\text{người}$
- Chỉ tiêu đất xây dựng đô thị loại IV đến năm 2040: 50 - $80\text{m}^2/\text{người}$
- + Chỉ tiêu đất ở: $28 - 35\text{m}^2/\text{người}$
- + Chỉ tiêu xây dựng chức năng TMDV, hỗn hợp: $5 - 11\text{m}^2/\text{người}$
- + Chỉ tiêu đất công cộng: $3 - 4\text{m}^2/\text{người}$
- + Chỉ tiêu đất cây xanh, thể dục thể thao: $4 - 10\text{m}^2/\text{người}$
- + Chỉ tiêu đất giao thông: $10 - 20\text{m}^2/\text{người}$

c. Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:

- Chỉ tiêu phụ tải cấp điện sinh hoạt: $\geq 330\text{W}/\text{người}$.
- Chỉ tiêu phụ tải cấp điện công cộng: 30% điện sinh hoạt.
- Chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt: $\geq 80\text{ lít}/\text{người}/\text{ngày}$.

- Chỉ tiêu cấp nước công cộng : 10% nước sinh hoạt.
- Chỉ tiêu cấp nước sản xuất, TT công nghiệp : $\geq 8\%$ nước sinh hoạt.
- Chỉ tiêu thoát nước thải : $\geq 80\%$ lượng nước cấp.
- Chỉ tiêu rác thải : $\geq 0,9\text{kg/người/ngày}$.

4. Phân khu chức năng

4.1. Quy hoạch đất xây dựng khu dân cư

- Diện tích đất khu dân cư đến năm 2030 toàn xã An Sơn: Khu dân cư Bãi Trệt, Bãi Ngự tổng diện tích 89,20ha trong đó đất ở 36,9ha.

- Diện tích đất khu dân cư đến năm 2040 toàn xã An Sơn: Khu dân cư Bãi Trệt, Khu lán biển Bãi Trệt và khu dân cư Bãi Ngự tổng diện tích 131,22ha trong đó đất ở 54,47ha.

4.2. Quy hoạch lấn biển

- Mở rộng không gian biển tạo quỹ đất xây dựng đến năm 2030: 43,96ha.
- Tiếp tục mở rộng không gian lấn biển tạo quỹ đất xây dựng đến năm 2040: Khoảng 70,69ha (so với giai đoạn 2030).

4.3. Quy hoạch đất xây dựng các khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn (các khu du lịch)

Tổng diện tích đất xây các dựng chức năng du lịch đến năm 2040 là 89,87ha. Bao gồm:

- Hòn Lớn:	83,97ha.
+ Khu vực Bãi Ngự:	1,52ha.
+ Khu du lịch Bãi Đất Đỏ:	4,34ha.
+ Khu du lịch bãi Cây Mến:	28,86ha.
+ Khu du lịch Bãi Nhum & Bãi Giếng Tiên:	12,10ha.
+ Khu du lịch Bãi Sỏi:	20,20ha.
+ Khu vực Bãi Trệt:	0,62ha.
+ Khu vực lấn biển Bãi Trệt:	16,33ha.
- Khu du lịch Ba Hòn Nôm:	5,9ha.
+ Khu vực Hòn Nôm giữa:	2,9ha.
+ Khu vực Hòn Nôm ngoài:	3,0ha.

(Các khu vực: Hòn Ông có liên quan đến quốc phòng, Hòn Hàng đã có chủ trương cho thuê đất và mặt biển để nuôi trồng thủy sản, Hòn Mốc là khu thực hiện dự án khí hoá lỏng.... nên không bố trí du lịch tại các Hòn này)

4.4. Quy hoạch các phân khu chức năng chính đến 2040

Diện tích xã An Sơn đến năm 2040 là 823,26ha bao gồm 7 khu vực:

Khu I - Hòn Lớn: Diện tích 641,37ha, bao gồm 8 khu vực:

- Khu I - A. Khu dân cư Bãi Trệt có diện tích 28,55ha là khu dân cư hiện hữu lâu đời với các chức năng chính: ở, hành chính, công cộng, thương mại dịch vụ, du lịch...

- Khu I - B. Khu lấn biển Bãi Trệt có diện tích 87,11ha là khu vực lấn biển với các chức năng chính: trung tâm dịch vụ công cộng, thương mại, giáo dục, ở, tiểu thủ công nghiệp, kho bãi, dịch vụ du lịch...;

- Khu I - C. Khu dân cư Bãi Ngự có diện tích 19,70ha là khu dân cư hiện hữu lâu đời với các chức năng chính: ở, dịch vụ công cộng, công viên...;

- Khu I - D. Khu du lịch bãi Sỏi có diện tích 22,20ha là khu vực phát triển du lịch với các chức năng chính: khách sạn resort, dịch vụ du lịch...;

- Khu I - E. Khu du lịch Bãi Cây Mến có diện tích 44,13ha là khu vực phát triển du lịch với các chức năng chính: khách sạn resort, dịch vụ du lịch...;

- Khu I - F. Khu du lịch Bãi Đất Đỏ có diện tích 4,73ha là khu vực phát triển du lịch với các chức năng chính: khách sạn resort, dịch vụ du lịch...;

- Khu I - G. Khu du lịch Bãi Giếng Tiên, Bãi Nhum có diện tích 16,43ha là khu vực phát triển du lịch với các chức năng: khách sạn resort, dịch vụ du lịch...;

- Khu I - H. Khu vực ngoại thị có diện tích là 418,51ha với các chức năng chính: đất nông nghiệp, đất du lịch, hạ tầng kỹ thuật, đất bãi thải, nghĩa trang.

Khu II: Diện tích 24,03ha, bao gồm 2 khu vực:

- Khu II - A. Hòn Mốc có diện tích 22,77ha chủ yếu là rừng phòng hộ;

- Khu II - B. Hòn Nhàn có diện tích 1,26ha chủ yếu là rừng phòng hộ.

Khu III - Hòn Gian (Hòn Tre Cửa): Diện tích 24,54ha rừng phòng hộ.

Khu IV - Hòn Dâm diện tích 5,96ha là khu vực rừng phòng hộ

Khu V - Hòn Ông diện tích 61,97ha là khu vực rừng phòng hộ kết hợp quốc phòng.

Khu VI - Hòn Hàng diện tích 17,67ha là khu vực phát triển du lịch với các chức năng chính: rừng phòng hộ và khu nuôi thủy sản.

Khu VII - Ba Hòn Nồm và Hòn Khô: Diện tích 47,71ha bao gồm 04 khu vực:

- Khu VII - A. Hòn Nồm Trong có diện tích là 14,58ha với các chức năng chính: rừng phòng hộ;

- Khu VII - B. Hòn Nồm Giữa có diện tích là 17,60ha với các chức năng chính: đất du lịch, rừng phòng hộ;

- Khu VII - C. Hòn Nồm Ngoài có diện tích là 15,52ha với các chức năng chính: đất du lịch, rừng phòng hộ;

- Khu VII - D. Hòn Khô có diện tích là 0,01ha với chủ yếu là đất rừng phòng hộ.

5. Định hướng tổ chức không gian xã

5.1. Định hướng không gian để phát triển du lịch

Với trọng tâm phát triển “Quần đảo Nam Du” (gồm 2 xã An Sơn và xã Nam Du) trở thành điểm phát triển du lịch cấp vùng, huyện, lấy du lịch làm trọng điểm phát triển kinh tế, định hướng không gian xã An Sơn đến năm 2040 khai thác tối đa tiềm năng rừng, biển, không gian sinh thái để phát triển hoạt động du lịch, kết hợp với phát triển các khu dân cư, thương mại dịch vụ, cải tạo chỉnh trang cảnh quan hiện hữu, cụ thể:

Phát triển đô thị lấn biển Bãi Trệt (Hòn Lớn), kết nối với khu vực Bãi Trệt hiện hữu hình thành trung tâm thương mại, dịch vụ du lịch cho toàn xã;

Chuyển đổi đất trồng cây lâu năm, đất chưa sử dụng để phát triển dân cư và du lịch. Kết hợp cải tạo chỉnh trang các khu vực làng xóm hiện hữu;

Hình thành, mở rộng các khu du lịch khu vực Hòn Lớn như khu du lịch Bãi Cây Mến, Bãi Sỏi, Bãi Nhum, Bãi Đất Đỏ, khai thác lợi thế không gian rừng, biển;

Phát triển du lịch tại các đảo nhỏ, biệt lập; định hướng mô hình resort, khách sạn cao cấp quy mô trọn đảo, tối ưu hóa lợi thế cạnh tranh về rừng, biển, bãi tắm. Xây dựng resort trên biển theo hình thức “thuê mặt biển 50 năm” phát triển du lịch;

Tăng kết nối giao thông giữa các đảo, cụm đảo. Đa dạng hóa các loại hình giao thông từ giao thông thủy.

5.2. Định hướng không gian kiến trúc khu dân cư

- Đối với khu dân cư nông thôn chỉnh trang:

Cải tạo nhà ở làng xóm cũ, cần tôn trọng nét đặc trưng nhà ở truyền thống nhưng phải tạo dựng được không gian sống hiện đại, môi trường trong sạch theo tiêu chí mới. Khi tiến hành cải tạo, chỉnh trang điểm dân cư hiện hữu phải đánh giá thực trạng quy hoạch sử dụng đất của khu dân cư, hệ thống hạ tầng kỹ thuật và khu dành cho các mục đích khác. Khu vực đã sử dụng ổn định, phù hợp với quy hoạch được giữ lại; khu vực đã ổn định cần chỉnh trang, cải tạo. Những khu đất không còn phù hợp phải chuyển đổi mục đích sử dụng. Tuỳ theo tiềm năng và thế mạnh về phát triển kinh tế của địa phương xác định rõ mô hình khu vực nông nghiệp, phi nông nghiệp, khu vực có nghề truyền thống, dịch vụ du lịch, thương mại... Đồng thời xây dựng hệ thống dẫn nước sinh hoạt tới các hộ gia đình; xây dựng hệ thống thu gom và vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt; xây dựng rãnh thoát nước trong các xóm và các hạ tầng khác phục vụ sinh hoạt, kinh doanh, sản xuất.

- Đối với khu dân cư nông thôn quy hoạch mới:

Định hướng phát triển dân cư trên cơ sở phù hợp thực tế, tránh xáo trộn đến đời sống Nhân dân: Về không gian những phần diện tích đất canh tác ao nhỏ xen lẫn trong khu dân cư và đất trống chưa sử dụng, đất trồng cây hàng năm khác sẽ được quy hoạch vào đất ở. Khi quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn tuân thủ các chỉ tiêu quy định trong Tiêu chuẩn quy hoạch nông thôn - tiêu chuẩn thiết kế và tuân thủ theo các yêu cầu sau:

+ Khu xây dựng mới cần khuyến khích xây dựng nhà ở từ 1 đến 5 tầng, màu sắc hài hoà với cảnh quan nông thôn, phù hợp với tiêu chí nông thôn theo quy định.

+ Khu đất xây dựng điểm dân cư nông thôn phải đảm bảo điều kiện liên hệ thuận tiện trong sinh hoạt và sản xuất của người dân.

+ Đất xây dựng dân cư phải có đủ cơ sở để hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt là giao thông, cấp điện và cấp nước nhằm bảo đảm các yêu cầu cấp thiết cho sinh hoạt và sản xuất của người dân cư ngụ trong hệ thống dân cư trên địa bàn toàn xã.

+ Đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh: Đảm bảo chỉ tiêu sử dụng đất cho việc xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, cấp thoát nước, xử lý nước thải, vệ sinh môi trường và an toàn cháy nổ, an ninh, quốc phòng, du lịch, văn hoá, lịch sử, tín ngưỡng.

+ Chỉ tiêu sử dụng đất xây dựng cho các điểm dân cư nông thôn phải phù hợp với điều kiện đất đai của từng địa phương.

6. Quy hoạch sử dụng đất

- Đến năm 2030, dân số toàn xã là 8.000 - 8.500 người. Tổng diện tích là 752,54ha. Chỉ tiêu đất ở đô thị đạt 96,60m²/người.

- Đến năm 2040, dân số toàn xã là 15.500 - 16.500 người. Tổng diện tích là 823,23ha. Chỉ tiêu đất ở đô thị đạt 76,29m²/người.

Quy hoạch sử dụng đất xã An Sơn các giai đoạn

STT	LOẠI ĐẤT	GIAI ĐOẠN TỚI 2030		GIAI ĐOẠN TỚI 2040		
		DIỆN TÍCH (HA)	TỶ LỆ (%)	DIỆN TÍCH (ha)	TỶ LỆ (%)	CHỈ TIÊU (m ² /ng ười)
A	ĐẤT XÂY DỰNG	238,38		329,41		
I	ĐẤT KHU DÂN CƯ	89,20	100	131,22	100	76,29
1	Đất ở	36,91	41,38	54,46	41,51	34,04
2	Đất xây dựng chức năng TMDV, hỗn hợp	10,32	11,58	16,25	12,38	10,16
3	Đất công cộng	4,79	5,37	5,65	4,31	3,53
4	Đất cây xanh	6,04	6,77	15,03	15,03	9,40
5	Đất giao thông	23,08	25,88	30,66	30,66	19,17
6	Đất hạ tầng kỹ thuật	8,05	9,03	9,16	9,16	
II	ĐẤT NGOÀI KHU DÂN CƯ	149,18		198,19		

1	Đất xây dựng các chức năng khác	43,72	122,62		
2	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	3,16	4,63		
3	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp làng nghề	34,57	34,57		
4	Đất tôn giáo, danh lam di tích, đình đền	0,57	0,57		
5	Đất quốc phòng an ninh	33,09	33,09		
6	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	2,72	2,72		
7	Đất dự trữ phát triển	31,36	-		
B	ĐẤT NÔNG NGHIỆP	513,10	492,35		
1	Đất trồng trọt khác (cây lâu năm)	51,39	40,32		
2	Đất rừng phòng hộ	461,71	452,03		
C	ĐẤT KHÁC	1,09	1,50		
1	Đất kênh rạch, mặt nước chuyên dụng	1,09	1,50		
TỔNG		752,57	823,26		

7. Quy hoạch các công trình công cộng:

TT	Tên công trình	Quy mô quy hoạch (ha)	Vị trí	Định hướng quy hoạch
A	Công trình giáo dục:			
1	Trường trung học cơ sở An Sơn	2.086	Bãi Đất đỏ	Quy hoạch chỉnh trang
2	Trường Tiểu học An Sơn (điểm chính)	2.929	Bãi Trệt	Quy hoạch chỉnh trang
3	Trường Tiểu học An Sơn (điểm Mầm non)	2.212	Bãi Đất đỏ	Quy hoạch chỉnh trang
4	Trường Tiểu học An Sơn (điểm Bãi Ngự)	959	Bãi Ngự	Quy hoạch chỉnh trang
5	Điểm Mầm non Bãi Ngự	2.707	Bãi Ngự	Quy hoạch mới
6	Trường Tiểu học An Cư	1.642	An Cư	Quy hoạch chỉnh trang
7	Trường Mầm non Bãi Ngự	2.098	Bãi Ngự	Quy hoạch chỉnh trang
8	Điểm Mầm non (Nhà trẻ)	2.042	KLB Bãi Trệt	Quy hoạch mới
9	Trường trung học phổ thông	3.123	KLB Bãi Trệt	Quy hoạch mới
B	Công trình Cơ quan, trụ sở:			
1	UBND xã An Sơn	3.519	Củ Tron	Quy hoạch chỉnh trang
2	Trụ sở Công An xã	1.231	Củ Tron	Quy hoạch chỉnh trang
3	Ban chỉ huy Quân sự xã	1.730	Củ Tron	Quy hoạch chỉnh trang
4	TT Văn hoá xã An Sơn	2.898	Củ Tron	Quy hoạch mới
5	Sân vận động	2.089	Bãi Ngự	Quy hoạch chỉnh trang
6	Trụ sở ấp Bãi Ngự kết hợp nhà văn hoá	615	Bãi Ngự	Quy hoạch chỉnh trang
7	Trụ sở ấp Củ Tron kết hợp nhà văn hoá	144	Củ Tron	Quy hoạch chỉnh trang
8	Trụ sở ấp An Cư kết hợp nhà văn hoá	4.602	KLB Bãi Trệt	Quy hoạch mới
C	Công trình Y tế:			
1	Trạm Y tế xã An Sơn	915	Củ Tron	Quy hoạch chỉnh trang
2	Phòng khám đa khoa	4.248	KLB Bãi Trệt	Quy hoạch mới
D	Công trình dịch vụ công cộng			
1	Công trình dịch vụ công cộng	7.053		Quy hoạch mới

8. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật

8.1. Quy hoạch hệ thống giao thông bộ

a. Giải pháp bố trí giao thông:

- Hệ thống giao thông gồm các tuyến đường cấp: Nội bộ nhóm nhà ở, đường quanh đảo nối các khu nội bộ nhóm nhà trên từng đảo. Các tuyến đường này được kết nối với nhau tạo thành một mạng lưới giao thông linh hoạt, thuận tiện nhất cho việc lưu thông.

- Tuân thủ chặt chẽ theo các thông số kỹ thuật quy định nhằm đảm bảo an toàn cho các phương tiện khi tham gia lưu thông, phù hợp với việc tổ chức hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác, đặc biệt là tổ chức san nền và thoát nước mưa.

b. Bình đồ tuyến:

- Phạm vi quy hoạch gồm các tuyến đường: Bao gồm các đường phố khu vực và đường nội bộ.

- Bán kính bó vỉa tối thiểu:

+ $R=3m$ đối với các vuốt nối từ đường nội bộ khu nhà ở ra tuyến đường chính;

+ $R=8m$ đối với các tuyến đường nội bộ trong khu vực ra các tuyến đường chính.

c. Mặt cắt dọc tuyến:

Đảm bảo nước mặt thoát dễ dàng với độ dốc tối thiểu 0.3%.

d. Mặt cắt ngang: Mặt cắt ngang được thiết kế với độ dốc:

- Đối với lòng đường độ dốc 2%.

- Đối với phạm vi vỉa hè độ dốc 1,5%.

e. Lộ giới: Tổ chức nhiều loại hình đường đối nội đối ngoại phù hợp như:

- Đường phố khu vực: mặt cắt từ 8 - 12m.

- Đường phố nội bộ: mặt cắt từ 6 - 8m. Cụ thể các tuyến như sau:

+ Đường D1: Mặt rộng 6 mét vỉa hè mỗi bên từ 1-3 mét tùy theo từng vị trí.

+ Đường D2: Mặt rộng 6 mét vỉa hè mỗi bên 1 mét.

+ Đường D3: Mặt rộng 4 mét vỉa hè mỗi bên 1 mét.

+ Đường D4: Mặt rộng 6 mét vỉa hè mỗi bên 3 mét.

+ Đường D5: Mặt rộng 6 mét vỉa hè mỗi bên từ 1-3 mét tùy theo từng vị trí.

+ Đường D6: Mặt rộng 6 mét vỉa hè mỗi bên 3 mét.

+ Đường D7: Mặt rộng 6 mét vỉa hè mỗi bên 3 mét.

- + Đường D8: Mặt rộng 8 mét vỉa hè mỗi bên 3 mét.
- + Đường D9: Đoạn có dây phân cách rộng 14m: mặt rộng 6+6 mét vỉa hè mỗi bên 3 mét. Đoạn không có dây phân cách: mặt rộng 6 mét vỉa hè mỗi bên 3 mét.
- + Đường D10: đoạn mặt rộng 6 mét vỉa hè mỗi bên 3 mét và đoạn mặt rộng 8 mét vỉa hè mỗi bên 4 mét.
- + Đường D11: mặt rộng 6 mét vỉa hè mỗi bên 3 mét.
- + Đường N1: mặt rộng 6 mét vỉa hè mỗi bên 3 mét.
- + Đường N2: mặt rộng 6 mét vỉa hè mỗi bên 3 mét.
- + Đường N3: mặt rộng 6 mét vỉa hè mỗi bên 3 mét.
- + Đường N4: mặt rộng 6 mét vỉa hè mỗi bên 3 mét.
- + Đường N5: mặt rộng 6-8 mét vỉa hè mỗi bên 0-3 mét tùy theo từng vị trí.
- + Đường N6: mặt rộng 6 mét vỉa hè mỗi bên 3 mét.

8.2. Quy hoạch hệ thống bến bãi

Quy hoạch tại Hòn Lớn 2 cảng hỗn hợp (cảng Bãi Trệt và cảng Bãi Ngự) và các bến phục vụ khách du lịch (Bãi Giếng Tiên, Bãi Đất đỏ nhỏ, Bãi Cây Mên, Bãi Sỏi, Bãi Trệt) *(theo quy hoạch định hướng phát triển không gian cảng biển Kiên Giang xác định Cảng Bãi Trệt là cảng chính với chức năng: Phục vụ phát triển kinh tế, xã hội tỉnh Kiên Giang. Là khu bến cảng đa năng, phục vụ chuyển tải cho các cảng của tỉnh và trong khu vực. Bến tiếp chuyển than cho Trung tâm nhiệt điện Kiên Lương cho tàu trọng tải từ 100.000 đến 200.000 DWT).*

8.3. Quy hoạch hệ thống cấp nước

a. Nguồn cấp nước

Nguồn nước mặt: Khai thác hiệu quả nguồn nước ngọt trên các đảo chủ yếu là lượng nước mưa, nguồn nước trữ tại hồ chứa nước Bãi Trệt và Bãi Cây Mên. Tăng cường xây dựng các hồ, bể chứa nước ngọt, nước mưa để trữ nước trong mùa mưa dùng cho các mùa khác, phục vụ nhu cầu sinh hoạt của người dân cũng như nhu cầu du lịch trong tương lai.

b. Nhu cầu dùng nước

- Dân số tính toán hạ tầng dự án là 22.042 người được tính trong bảng sau.

- Tổng nhu cầu sử dụng nước:	4.268,6 (m^3 /ngày).
- Xây dựng 02 trạm cấp nước tổng công suất:	4.400 (m^3 /ngày).
+ 01 trạm cấp nước tập trung công suất:	2.200 (m^3 /ngày).
+ 01 trạm cấp nước tập trung công suất:	2.200 (m^3 /ngày).

c. Thiết kế mạng lưới cấp nước cho dự án

Dựa vào mạng lưới quy hoạch giao thông, phân khu chức năng khu quy hoạch và vị trí đầu vào của tuyến ống cấp nước chính cho toàn khu quy hoạch. Thiết kế mạng lưới cấp nước cho khu xây dựng theo dạng mạng vòng, ngoài việc đảm bảo cấp nước cho khu dự án. Cột áp tại từng khu tối thiểu $H=12\text{m}$.

8.4. Quy hoạch hệ thống thoát nước

a. Nguồn tiếp nhận:

Nước mưa trên địa bàn một phần được thu gom bằng hệ thống cống BTCT ngầm, hồ ga, sau đó thoát ra kênh sau đó đổ ra biển, một phần diện tích rừng và cây lâu năm thoát tự nhiên và tự thấm.

b. Mạng lưới đường cống:

- Các tuyến cống được thiết kế theo chế độ tự chảy với độ dốc đảm bảo không xảy ra hiện tượng xói mòn hay bồi lắng trong cống; cống ngang đường sử dụng cống tròn bê tông cốt thép, sau đó thoát ra kênh rạch và đổ ra biển. Toàn bộ hệ thống sử dụng cống tròn bê tông cốt thép đúc sẵn.

- Mạng lưới đường cống được thiết kế với đầy đủ các thông số kỹ thuật như kích thước, độ dốc, hướng thoát, cao độ điểm đầu, điểm cuối, miệng xả và phải đảm bảo các yêu cầu như đã nêu trong QCVN 07-2016.

8.5. Quy hoạch hệ thống thoát nước và xử lý chất thải rắn

a. Quy hoạch thoát nước thải

- Dân số tính toán hạ tầng dự án là 22.042 người, nhu cầu thoát nước bằng 80% tiêu chuẩn nước cấp.

- Tổng nhu cầu thoát nước: $1.763,4 \text{ (m}^3\text{/ngày)}$.

- Xây 02 trạm xử lý nước thải tổng công suất: $2.116 \text{ (m}^3\text{/ngày)}$ gồm:

+ 01 trạm xử lý nước thải công suất: $1.100 \text{ (m}^3\text{/ngày)}$

+ 01 trạm xử lý nước thải công suất: $1.100 \text{ (m}^3\text{/ngày)}$

- Hệ thống thoát nước thải bản bao gồm tất cả các thiết bị thu gom, mạng lưới đường cống thu nước thải bản (hướng thoát về khu xử lý nước thải);

- Đường cống thoát nước bản là cống tròn, vật liệu bê tông cốt thép hoặc chịu lực và không thấm.

b. Xử lý chất thải rắn:

- Chất thải rắn trong khu quy hoạch chủ yếu là rác thải sinh hoạt.

- Rác thải sinh hoạt được phân loại tại nguồn, thu gom về điểm tập kết rác rồi đưa đến khu xử lý rác thải chung. Rác thải được phân loại tại nguồn như sau:

+ Thùng chứa rác không tái chế: rác thực phẩm và chất hữu cơ dễ phân hủy.

+ *Thùng chứa rác thải tái chế: các loại rác còn lại: ni lông, nhựa, thủy tinh...*

- Rác thải sinh hoạt $W = 0,9$ (kg/người/ ngày).

8.6. Quy hoạch hệ thống cấp điện và chiếu sáng đô thị

a. Nguồn cấp điện:

Từ nguồn điện lưới quốc gia. Dự kiến hoàn thành việc kéo điện lưới quốc gia từ xã Lại Sơn cấp điện cho xã An Sơn trong tháng 6 năm 2023 theo Điều 12 Thông báo số 99/TB-VPCP về kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại buổi làm việc với lãnh đạo tỉnh Kiên Giang.

- Xây dựng mới tuyến trung thế 22 KV từ Lại Sơn;

- Khu vực nghiên cứu hiện được cấp điện thông qua tuyến trung thế 110KV An Biên - Lại Sơn;

- Tổng công suất dự báo là: 16.782,88 KVA;

- Bố trí trạm ngắt để lắp đặt các máy cắt trung thế nhận nguồn từ xã Lại Sơn. Xây dựng mới các trạm hạ áp 22/0,4 KV để cấp nguồn cho toàn bộ khu vực.

b. Chiếu sáng đô thị:

Đèn đường được bố trí trên trục đường theo phương án chiếu sáng 1 bên, 2 bên phụ thuộc vào độ chói yêu cầu, kết cấu mặt đường và mặt cắt ngang của đường. Cột chiếu sáng là cột thép, mạ kẽm nhúng nóng, chiều cao cột 7m-12m. Đèn chiếu sáng dùng các loại đèn có mẫu mã - hình dáng đẹp.

8.7. Quy hoạch hạ tầng nghĩa trang

Định hướng đến năm 2025, xây dựng nghĩa trang nhân dân, nhà tang lễ, nhà hỏa táng với diện tích 2,7ha trên địa bàn xã An Sơn. Trong đó bảo đảm các yêu cầu về sử dụng đất cũng như cảnh quan trong khu nghĩa trang, phù hợp phong tục văn hóa địa phương.

9. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn vốn

Trong giai đoạn từ nay đến 2025, nhu cầu đầu tư chủ yếu vào nâng cấp, hoàn thiện hệ thống giao thông nông thôn. Nâng cấp, cải tạo hạ tầng xã hội (trường học, trạm y tế). Đầu tư thêm vào hệ thống điện, chiếu sáng, cấp điện, vệ sinh môi trường, khu hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn. Đầu tư, xây dựng mới hạ tầng phát triển thể dục thể thao, trung tâm văn hóa thể thao, nhà văn hóa. Nâng cấp, cải tạo nghĩa trang nhân dân xã An Sơn.

Nguồn lực thực hiện:

- Chủ yếu từ vốn ngân sách nhà nước, gồm vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn xổ số kiến thiết, vốn phát triển giao thông nông thôn, vốn thu tiền sử dụng đất...

- Kêu gọi nguồn lực từ tổ chức, cá nhân, xã hội hóa đầu tư cho giao thông, điện, cấp thoát nước, khu dân cư, khu sản xuất tiểu thủ công nghiệp...

- Lồng ghép sử dụng các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình hỗ trợ xây dựng nông thôn mới;

- Huy động nguồn lực đầu tư bằng nhiều hình thức, sử dụng vốn ngân sách cho các chương trình, dự án cấp thiết phục vụ nhu cầu của cộng đồng dân cư...;

Điều 2. Giao Phòng Kinh tế hạ tầng - Tài nguyên và Môi trường huyện Kiên Hải triển khai thực hiện đúng theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện, Trưởng các phòng, ban; Chủ tịch UBND xã An Sơn; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT và các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, KTHT-TN&MT.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Quốc Tuấn
Nguyễn Quốc Tuấn